

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 29 tháng 9 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lưu Văn Thăng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đình Dương	Ủy viên
	Ông La Văn Út	Ủy viên
	Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
	Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
	Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông La Văn Út	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký 236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng các số liệu so sánh, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, là số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016 và kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong báo cáo soát xét ngày 21 tháng 8 năm 2015.

Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã ghi nhận nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung liên quan đến các kỳ kế toán trước đây theo biên bản của cơ quan thuế địa phương và đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các điều chỉnh đó là không phù hợp hoặc không được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-116-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		255.260.706.022	224.488.316.333
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	91.643.522.018	71.142.610.690
Tiền	111		24.643.522.018	24.142.610.690
Các khoản tương đương tiền	112		67.000.000.000	47.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.955.568.302	99.968.461.502
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	78.124.603.954	77.677.526.451
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.112.161.855	969.422.088
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	30.981.659.183	21.586.865.144
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(262.856.690)	(265.352.181)
Hàng tồn kho	140	8	51.810.146.795	52.876.506.012
Hàng tồn kho	141		51.919.572.037	52.985.931.254
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.425.242)	(109.425.242)
Tài sản ngắn hạn khác	150		851.468.907	500.738.129
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		578.576.285	500.738.129
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		272.892.622	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		1.599.428.140.105	1.735.478.603.208
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.685.561.000	1.685.561.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.685.561.000	1.685.561.000
Tài sản cố định	220		1.580.827.668.595	1.722.340.357.629
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.554.109.199.623	1.695.315.386.409
<i>Nguyên giá</i>	222		3.884.249.806.188	3.882.739.406.189
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.330.140.606.565)	(2.187.424.019.780)
Tài sản cố định vô hình	227	10	26.718.468.972	27.024.971.220
<i>Nguyên giá</i>	228		28.250.980.211	28.250.980.211
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.532.511.239)	(1.226.008.991)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.235.454.586	823.060.782
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	5.235.454.586	823.060.782
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	11.679.455.924	10.629.623.797
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(52.820.544.076)	(53.870.376.203)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.854.688.846.127	1.959.966.919.541

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	777.470.255.087	884.777.581.781
Nợ ngắn hạn	310	451.168.457.499	440.933.989.281
Phải trả người bán ngắn hạn	311 13	24.274.769.662	26.311.127.424
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.410.702	36.440.683.778
Thuế phải nộp Nhà nước	313 14	15.400.111.961	29.628.620.720
Phải trả người lao động	314	24.228.404.549	31.043.270.841
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 15	26.589.110.362	8.562.110.633
Phải trả ngắn hạn khác	319 16	43.471.926.611	10.727.341.053
Vay ngắn hạn	320 17	262.343.268.954	269.705.685.634
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321 18	48.975.000.000	26.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.871.454.698	2.415.149.198
Nợ dài hạn	330	326.301.797.588	443.843.592.500
Vay dài hạn	338 17	326.301.797.588	443.843.592.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	1.077.218.591.040	1.075.189.337.760
Vốn chủ sở hữu	410 19	1.077.218.591.040	1.075.189.337.760
Vốn cổ phần	411 20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415	(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418 21	250.991.855.223	245.090.870.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.355.645.484	43.227.376.480
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(11.606.940.796)	(11.606.940.796)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	50.962.586.280	54.834.317.276
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.854.688.846.127	1.959.966.919.541

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

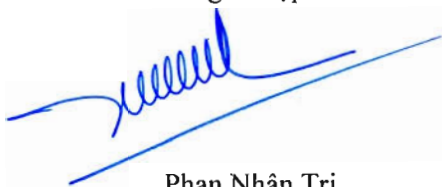
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	599.021.995.171	647.981.614.788
Giá vốn hàng bán	11	24	483.401.557.906	569.145.752.730
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		115.620.437.265	78.835.862.058
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.568.553.097	1.249.140.598
Chi phí tài chính	22	26	15.408.534.615	41.329.289.884
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.194.680.284</i>	<i>23.035.224.450</i>
Chi phí bán hàng	25		1.723.259.628	1.782.657.851
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		26.892.009.954	21.823.152.486
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		79.165.186.165	15.149.902.435
Thu nhập khác	31		166.120.055	19.816.479.016
Chi phí khác	32	27	10.464.456.514	710.590.908
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(10.298.336.459)	19.105.888.108
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		68.866.849.706	34.255.790.543
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	17.904.263.426	7.649.747.342
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		50.962.586.280	26.606.043.201
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	646	337

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	68.866.849.706	34.255.790.543
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	143.023.089.033	137.913.998.257
Các khoản dự phòng	03	21.821.009.441	88.013.312
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.252.305.848)	16.298.354.797
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(763.480.902)	(21.087.064.929)
Chi phí lãi vay	06	16.194.680.284	23.035.224.450
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	243.889.841.714	190.504.316.430
Biến động các khoản phải thu	09	(11.258.121.292)	(24.130.733.207)
Biến động hàng tồn kho	10	1.066.359.217	2.229.150.412
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(30.537.478.902)	10.084.375.164
Biến động chi phí trả trước	12	(77.838.156)	421.557.396
		203.082.762.581	179.108.666.195
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.949.693.394)	(25.144.132.028)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.580.888.746)	(6.511.116.607)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.904.930.750)	(6.495.678.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	158.647.249.691	140.957.739.060

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

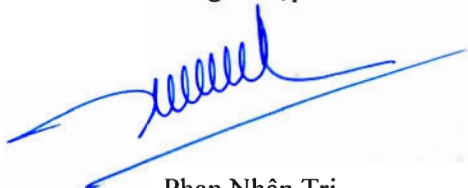
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.924.753.089)	(181.863.628.432)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	20.710.511.824
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	7.199.500.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	763.480.902	377.053.105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.161.272.187)	(153.576.563.503)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	122.557.050.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(118.425.051.300)	(138.055.245.964)
Tiền trả cổ tức	36	(18.533.485.600)	(23.107.610.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(136.958.536.900)	(38.605.806.739)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	20.527.440.604	(51.224.631.182)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	71.142.610.690	73.892.390.210
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(26.529.276)	47.956.559
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	91.643.522.018	22.715.715.587

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 2 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		30/6/2016	1/1/2016
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có 505 nhân viên (1/1/2016: 505 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 19 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu
- Bộ phận khác: các hoạt động khác của Công ty và các công ty con

	Vận tải		Thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	509.610.128.530	435.582.588.044	74.133.412.253	196.825.150.301	15.278.454.388	15.573.876.443	-	-	599.021.995.171	647.981.614.788
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-	2.370.483.129	1.902.571.046	(2.370.483.129)	(1.902.571.046)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	509.610.128.530	435.582.588.044	74.133.412.253	196.825.150.301	17.648.937.517	17.476.447.489	(2.370.483.129)	(1.902.571.046)	599.021.995.171	647.981.614.788
Kết quả kinh doanh của bộ phận	106.638.959.424	68.467.678.863	3.688.405.677	5.625.343.891	5.293.072.164	4.742.839.304	-	-	115.620.437.265	78.835.862.058
Chi phí phân bổ	23.333.164.567	18.498.590.201	2.187.456.488	2.406.490.181	3.094.648.527	2.700.729.955	-	-	28.615.269.582	23.605.810.337
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									87.005.167.683	55.230.051.721
Thu nhập khác									7.734.673.152	21.065.619.614
Chi phí khác									25.872.991.129	42.039.880.792
Thuế thu nhập doanh nghiệp									17.904.263.426	7.649.747.342
Lợi nhuận thuần sau thuế									50.962.586.280	26.606.043.201

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vận tải		Thương mại		Các hoạt động khác		Hợp nhất	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.662.422.021.459	1.812.847.703.998	5.595.677.225	6.858.661.842	37.500.415.539	30.435.200.651	1.705.518.114.223 149.170.731.904	1.850.141.566.491 109.825.553.050
Tổng tài sản							1.854.688.846.127	1.959.966.919.541
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	706.475.485.737	847.930.746.822	7.827.320.005	5.301.271.283	16.061.766.116	8.032.079.810	730.364.571.858 47.105.683.229	861.264.097.915 23.513.483.866
Tổng nợ phải trả							777.470.255.087	884.777.581.781
Chi tiêu vốn Khấu hao tài sản cố định hữu hình Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.922.793.803 142.398.787.947 306.502.248	185.170.265.303 137.324.915.732 306.502.248	- - -	- - -	- 317.798.838 -	942.136.363 282.580.277 -	1.382.854.286 142.716.586.785 306.502.248	186.112.401.666 137.607.496.009 306.502.248

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	1.037.784.561	1.041.599.535
Tiền gửi ngân hàng	23.605.737.457	23.101.011.155
Các khoản tương đương tiền	67.000.000.000	47.000.000.000
	<hr/> 91.643.522.018	<hr/> 71.142.610.690

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	59.879.603.214	65.165.068.627
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	12.211.539.080	7.943.374.040
Các khách hàng khác	6.033.461.660	4.569.083.784
	<hr/> 78.124.603.954	<hr/> 77.677.526.451

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	59.879.603.214	65.165.068.627
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	12.211.539.080	7.943.374.040
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex</i>	<i>769.932.000</i>	<i>621.113.024</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2</i>	<i>101.914.857</i>	<i>55.025.704</i>
<i>Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng</i>	<i>142.946.000</i>	<i>217.699.718</i>
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu về các khoản chi hộ các công ty liên quan	26.110.743.382	14.564.538.477
▪ <i>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</i>	23.225.906.741	12.121.099.792
▪ <i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex</i>	2.228.419.683	2.064.911.528
▪ <i>Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng</i>	391.519.316	367.502.157
▪ <i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</i>	235.760.242	-
▪ <i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO</i>	29.137.400	11.025.000
Tạm ứng cho người lao động	2.532.701.187	2.250.007.307
Các khoản phải thu khác	2.338.214.614	4.772.319.360
	<hr/>	<hr/>
	30.981.659.183	21.586.865.144
	<hr/>	<hr/>

8. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.380.339.285	-	1.412.977.020	-
Nguyên vật liệu	49.799.366.006	(109.425.242)	50.867.043.520	(109.425.242)
Công cụ và dụng cụ	279.913.000	-	430.562.193	-
Sản phẩm dở dang	459.953.746	-	275.348.521	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	51.919.572.037	(109.425.242)	52.985.931.254	(109.425.242)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	6.631.671.465	418.919.147	3.874.899.891.873	788.923.704	3.882.739.406.189
Tăng trong kỳ	-	72.545.454	1.437.854.545	-	1.510.399.999
Số dư cuối kỳ	6.631.671.465	491.464.601	3.876.337.746.418	788.923.704	3.884.249.806.188
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.485.640.177	418.919.147	2.182.877.041.801	642.418.655	2.187.424.019.780
Khấu hao trong kỳ	156.365.304	2.015.152	142.530.854.813	27.351.516	142.716.586.785
Số dư cuối kỳ	3.642.005.481	420.934.299	2.325.407.896.614	669.770.171	2.330.140.606.565
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	3.146.031.288	-	1.692.022.850.072	146.505.049	1.695.315.386.409
Số dư cuối kỳ	2.989.665.984	70.530.302	1.550.929.849.804	119.153.533	1.554.109.199.623

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.429.317 triệu VND (1/1/2016: 1.544.541 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 17).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 38.359 triệu VND (1/1/2016: 37.289 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.226.008.991
Khấu hao trong kỳ	306.502.248
Số dư cuối kỳ	1.532.511.239
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	27.024.971.220
Số dư cuối kỳ	26.718.468.972

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	823.060.782	6.211.796.065
Tăng trong kỳ/năm	4.412.393.804	206.293.807.510
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(180.663.889.881)
Chuyển sang dự phòng sửa chữa lớn	-	(31.018.652.912)
Số dư cuối kỳ/năm	5.235.454.586	823.060.782

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016				1/1/2016					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	4,39%	4,39%	53.500.000.000	625.000	4,39%	4,39%	53.500.000.000	(51.500.000.000)	2.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(166.778.572)	5.833.221.428
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	(2.203.597.631)	2.796.402.369
				64.500.000.000				64.500.000.000	(53.870.376.203)	10.629.623.797

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	6.419.248.205	2.834.749.411
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	5.897.868.394	1.112.100.000
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	3.268.603.250	2.498.281.060
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai	2.687.537.963	2.495.557.922
Công ty TNHH Vietsea PTE	691.655.783	13.424.573.581
Các nhà cung cấp khác	5.309.856.067	3.945.865.450
	24.274.769.662	26.311.127.424

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	477.201.438	-
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV</i>	<i>6.419.248.205</i>	<i>2.834.749.411</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ</i>	<i>5.897.868.394</i>	<i>1.112.100.000</i>
<i>Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty</i> <i>Hóa dầu Petrolimex</i>	<i>3.268.603.250</i>	<i>2.498.281.060</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai</i>	<i>2.687.537.963</i>	<i>2.495.557.922</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Định</i>	<i>283.931.999</i>	<i>-</i>
<i>Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè</i>	<i>151.004.700</i>	<i>71.453.500</i>
<i>Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long</i>	<i>38.511.507</i>	<i>202.008.200</i>
<i>Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu – Xăng dầu Khu Vực 2</i>	<i>20.451.600</i>	<i>22.081.000</i>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.706.150.434	31.096.714.887	(34.956.432.546)	-	4.846.432.775
Thuế nhập khẩu	-	635.744.644	(635.744.644)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.107.597.368	17.904.263.426	(28.580.888.746)	-	9.430.972.048
Thuế thu nhập cá nhân	783.078.693	923.036.585	(1.681.022.145)	272.892.622	297.985.755
Các loại thuế khác	31.794.225	1.033.707.238	(240.780.080)	-	824.721.383
	29.628.620.720	51.593.466.780	(66.094.868.161)	272.892.622	15.400.111.961

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	6.521.566.521	3.313.995.567
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên	3.340.910.130	96.054.000
Chi phí thuê tàu Vietsea	1.362.878.955	2.550.954.356
Cảng phí	1.236.397.500	1.412.624.852
Tiền phạt thuế	10.071.703.228	-
Các khoản khác	4.055.654.028	1.188.481.858
	26.589.110.362	8.562.110.633

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả	21.551.941.575	652.094.175
▪ <i>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ</i>	<i>20.732.608.500</i>	<i>-</i>
▪ <i>Các cổ đông khác</i>	<i>819.333.075</i>	<i>652.094.175</i>
Chi phí được trả hộ	17.239.015.804	6.853.721.744
Phải trả tiền hao hụt vận tải cho Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	1.198.338.497	1.150.572.660
Kinh phí công đoàn	1.167.631.888	1.160.366.449
Phải trả dịch vụ cung ứng thuyền viên Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco – công ty liên quan	793.023.760	761.299.450
Phải trả khác cho Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè – công ty liên quan	193.963.899	133.043.968
Chi phí khác	1.328.011.188	16.242.607
	<hr/>	<hr/>
	43.471.926.611	10.727.341.053

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ		Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	1/1/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	Lãi chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2016 VND
Vay dài hạn	713.549.278.134	-	(119.634.336.332)	(5.269.875.260)	588.645.066.542
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(269.705.685.634)				(262.343.268.954)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	443.843.592.500				326.301.797.588

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay có đảm bảo					
▪ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	USD	6%	2018	201.060.000.000	202.860.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính	USD	4%-8,1%	2018	102.387.448.130	159.006.931.090
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	2,49%-2,86%	2017	85.645.975.000	134.901.900.000
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	USD	4,5%	2022	88.709.499.412	96.962.315.044
▪ Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	4%	2023	110.842.144.000	119.818.132.000
				588.645.066.542	713.549.278.134

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.429.317 triệu VND (1/1/2016: 1.544.541 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng sửa chữa lớn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	26.100.000.000	21.252.420.600
Dự phòng lập trong kỳ/năm	22.875.000.000	35.866.232.312
Dự phòng sử dụng trong kỳ/năm	-	(31.018.652.912)
Số dư cuối kỳ/năm	48.975.000.000	26.100.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã báo cáo trước đây <i>Điều chỉnh cho thuế bị truy thu (Thuyết minh 32)</i>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	28.812.366.999	1.048.848.627.880
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã điều chỉnh lại	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	17.205.426.203	1.037.241.687.084
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	26.606.043.201	26.606.043.201
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	11.925.700.399	(11.925.700.399)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(7.886.666.600)	(7.886.666.600)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 – đã điều chỉnh lại	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	14.999.102.405	1.046.961.063.685
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 – đã báo cáo trước đây <i>Điều chỉnh cho thuế bị truy thu (Thuyết minh 32)</i>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	54.834.317.276	1.086.796.278.556
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 – đã điều chỉnh lại	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	(11.606.940.796)	(11.606.940.796)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	43.227.376.480	1.075.189.337.760
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.900.984.276	(5.900.984.276)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(9.500.000.000)	(9.500.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(39.433.333.000)	(39.433.333.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	39.355.645.484	1.077.218.591.040

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 của Công ty ngày 24 tháng 4 năm 2016, Công ty đã trích lập 10,76% tương ứng với số tiền là 5.901 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22,73% tương ứng với số tiền là 11.926 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.722.293.455	3.812.957.818

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị tính	30/6/2016	1/1/2016
Dầu DO	Kg	354.886	467.658
Dầu FO	Kg	2.987.019	3.215.919

(c) Ngoại tệ

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	150.604	3.353.954.197	123.955	2.782.785.710

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được thông qua theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị nhưng chưa ký kết hợp đồng	435.630.000.000	-

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Phân loại lại
Doanh thu bán hàng hóa	74.133.412.253	196.825.150.301
Doanh thu vận tải biển	509.610.128.530	435.582.588.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	15.278.454.388	15.573.876.443
	<hr/>	<hr/>
	599.021.995.171	647.981.614.788

24. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Phân loại lại
Giá vốn bán hàng hóa	70.445.006.576	191.199.806.410
Giá vốn vận tải biển	402.971.169.106	367.114.909.181
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	9.985.382.224	10.831.037.139
	<hr/>	<hr/>
	483.401.557.906	569.145.752.730

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	763.480.902	377.053.105
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.552.546.347	672.087.493
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5.252.305.848	-
Doanh thu tài chính khác	220.000	-
	<hr/>	<hr/>
	7.568.553.097	1.249.140.598

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	16.194.680.284	23.035.224.450
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	259.348.822	1.955.984.642
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	16.337.227.321
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.049.832.127)	(4.066.692)
Chi phí tài chính khác	4.337.636	4.420.163
	15.408.534.615	41.329.289.884

27. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Phân loại lại
Tiền phạt chậm nộp thuế (Thuyết minh 32)	10.071.703.228	-
Các khoản khác	392.753.286	710.590.908
	10.464.456.514	710.590.908

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu	44.065.180.875	50.222.686.735
Chi phí nhân công	68.901.225.559	54.544.124.195
Chi phí khấu hao	143.023.089.033	137.913.998.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.133.506.402	116.908.822.018
Chi phí khác	49.633.424.268	41.962.125.452

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	16.838.397.867	7.649.747.342
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.065.865.559	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	17.904.263.426	7.649.747.342

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.866.849.706	34.255.790.543
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.773.369.942	6.851.158.109
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.065.027.925	798.589.233
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.065.865.559	-
	<hr/>	<hr/>
	17.904.263.426	7.649.747.342

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 50.963 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày 30/6/2015: 26.606 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 78.866.666 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày 30/6/2015: 78.866.666 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2016.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Doanh thu bán hàng	30.121.817.766	54.355.907.966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	325.044.224.797	273.961.196.498
Các công ty liên quan khác		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	194.363.832.866	170.988.319.615
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu		
Đường thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.980.838.584	2.833.101.460
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	683.741.688	770.405.224
Mua hàng hóa	54.415.017.565	138.284.359.379
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 5		
Mua hàng hóa	324.290.994	6.643.457.121
Công ty Xăng dầu B12		
Mua hàng hóa	1.014.600.000	164.945.460
Công ty Xăng dầu Nghệ An		
Mua hàng hóa	1.823.604.614	2.923.402.980
Công ty Xăng dầu Bình Định		
Mua hàng hóa	714.263.000	8.234.029.096
Công ty Xăng dầu Đồng Nai		
Mua hàng hóa	13.682.722.580	26.087.392.270
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ		
Mua hàng hóa	17.719.188.900	29.182.743.240
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty		
Hóa dầu Petrolimex		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.980.009.000	6.399.651.550
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long		
Mua hàng hóa	-	462.660.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Mua hàng hóa	-	2.840.752.805

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Điều chỉnh nghĩa vụ thuế của các năm trước và phân loại lại số liệu so sánh

(a) Điều chỉnh nghĩa vụ thuế của các năm trước

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định yêu cầu Công ty nộp bổ sung khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2010, 2011, 2012 và 2013 với tổng số tiền là 11.606.940.796 VND. Quyết định này của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh là dựa trên kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV (“KTNN KV IV”), trong quá trình KTNN KV IV thực hiện kiểm toán tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, liên quan đến mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cho thuê tàu biển định hạn của Công ty trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013. Theo quan điểm của KTNN KV IV thì hoạt động cho thuê tàu biển định hạn của Công ty không phải là một hoạt động được ưu đãi thuế, mặc dù đoàn kiểm toán nhà nước khi kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty năm 2011 cũng như đoàn Thanh tra Chính phủ khi kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty cho các năm 2010, 2011, 2012 và 6 tháng đầu năm 2013, đều đã xác nhận số liệu báo cáo tài chính và các khoản nộp ngân sách của Công ty.

Ban Giám đốc Công ty đã xác định đây là những sai sót cần điều chỉnh hồi tố. Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 trong Thuyết minh 19 – Thay đổi vốn Chủ sở hữu đã được điều chỉnh lại.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

		1/1/2016	
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Thuế phải nộp Nhà nước	18.021.679.924	11.606.940.796	29.628.620.720
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.834.317.276	(11.606.940.796)	43.227.376.480

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phân loại lại số liệu so sánh

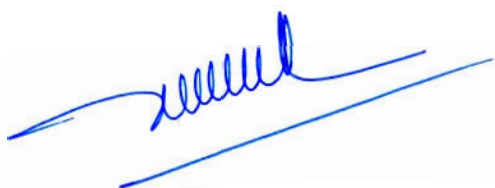
Một số số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015		
	VND	VND	VND
	Theo báo cáo trước đây	Phân loại lại	Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	646.633.972.694	1.347.642.094	647.981.614.788
Giá vốn hàng bán	567.736.252.205	1.409.500.525	569.145.752.730
Thu nhập khác	22.648.887.105	(2.832.408.089)	19.816.479.016
Chi phí khác	3.604.857.428	(2.894.266.520)	710.590.908

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc